



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0203000279

ngày 17 tháng 09 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 ngày 20 tháng 06 năm 2013. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hữu Nam

Chủ tịch

Ông Trương Hoàng Vũ

Thành viên

(đến ngày 27 ngày 4 tháng 2016)

Ông Ngô Minh Quân

Thành viên

(từ ngày 27 ngày 4 tháng 2016)

Ông Nguyễn Thường Quang

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Quyền

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Thanh

Thành viên

Ông Lê Ngọc Nam

Thành viên

Ông Nguyễn Đức Luyện

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thường Quang

Tổng Giám đốc

Ông Hà Quang Giới

Phó Tổng Giám đốc

Ông Dương Sơn Bá

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Thôn Đoan, Xã Tam Hưng, Huyện Thủy Nguyên

Thành phố Hải Phòng

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone: +84 (8) 3821 9266
Fax: +84 (8) 3821 9267
Internet: www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”); được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Theo hướng dẫn của Nghị định 82, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi sẽ áp dụng theo Thông tư 200. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư 200 hiện hành. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thêm vào đó chúng tôi cũng lưu ý đến Thuyết minh 3(g) trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty trích trước và ghi nhận chi phí phát sinh cho các công trình sửa chữa lớn theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Hải Phòng do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(g) của báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề khác

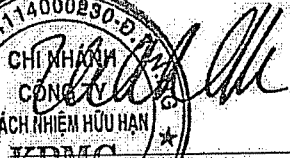
Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 5 tháng 4 năm 2016 và báo cáo soát xét ngày 12 tháng 8 năm 2015 với đoạn nhấn mạnh vấn đề liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái và giá định hoạt động liên tục của Công ty. Bên cạnh đó, báo cáo soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 còn có đoạn nhấn mạnh vấn đề liên quan đến việc Công ty và Công ty Mua Bán điện chưa ký hợp đồng sửa đổi bổ sung chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2015.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-256




Nguyễn Khắc Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		3.148.275.037.000	2.235.996.984.059
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	321.378.603.046	33.138.207.254
Tiền	111		111.378.603.046	9.138.207.254
Các khoản tương đương tiền	112		210.000.000.000	24.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.290.200.216.992	1.688.166.357.624
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.167.430.406.899	1.567.145.114.948
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.637.368.656	3.176.885.242
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	119.132.441.437	117.844.357.434
Hàng tồn kho	140	9	536.589.798.693	514.661.232.032
Hàng tồn kho	141		536.589.798.693	514.661.232.032
Tài sản ngắn hạn khác	150		106.418.269	31.187.149
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	106.418.269	31.187.149
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		15.589.799.501.524	16.551.392.925.779
Tài sản cố định	220		15.206.807.264.376	16.154.099.557.851
Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.206.149.342.800	16.153.362.293.067
Nguyên giá	222		22.261.661.708.162	22.257.892.883.339
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.055.512.365.362)	(6.104.530.590.272)
Tài sản cố định vô hình	227		657.921.576	737.264.784
Nguyên giá	228		1.506.226.447	1.506.226.447
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(848.304.871)	(768.961.663)
Tài sản dở dang dài hạn	240		197.915.839.373	200.790.529.005
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	197.915.839.373	200.790.529.005
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	5.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		180.076.397.775	191.502.838.923
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	180.076.397.775	191.502.838.923
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		18.738.074.538.524	18.787.389.909.838

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

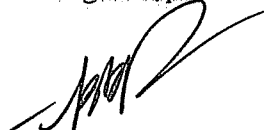
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.984.111.248.651	13.951.754.818.594
Nợ ngắn hạn	310		4.078.523.107.434	3.243.253.378.955
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	472.208.153.133	593.282.176.189
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	58.550.854.766	15.427.144.171
Phải trả người lao động	314		27.524.131.894	41.860.639.697
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	483.646.461.791	362.241.496.154
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	797.630.761.773	111.584.375.990
Vay ngắn hạn	320	18(a)	2.187.869.366.666	2.081.716.201.247
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.093.377.411	37.141.345.507
Nợ dài hạn	330		9.905.588.141.217	10.708.501.439.639
Vay dài hạn	338	18(b)	9.905.588.141.217	10.708.501.439.639
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.753.963.289.873	4.835.635.091.244
Vốn chủ sở hữu	410	19	4.753.963.289.873	4.835.635.091.244
Vốn cổ phần	411	20	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		196.652.770.150	196.652.770.150
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(690.842.228.192)	(789.533.975.079)
Quỹ đầu tư phát triển	418		39.316.296.173	36.946.506.594
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		208.836.451.742	391.569.789.579
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		208.836.451.742	391.569.789.579
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		18.738.074.538.524	18.787.389.909.838

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thu Trang
 Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Thành
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thường Quang
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B-02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	5.133.130.857.876	5.074.090.096.185
Giá vốn hàng bán	11	25	4.268.610.222.340	4.093.781.816.487
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		864.520.635.536	980.308.279.698
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	10.347.678.430	1.277.528.778
Chi phí tài chính	22	27	608.796.950.814	640.063.566.571
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		378.456.832.604	419.641.052.194
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	46.654.860.302	41.385.260.917
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		219.416.502.850	300.136.980.988
Thu nhập khác	31		3.021.937.741	2.631.097.862
Chi phí khác	32		2.751.701.700	2.489.338.093
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		270.236.041	141.759.769
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		219.686.738.891	300.278.740.757
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	10.850.287.149	31.187.149
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		208.836.451.742	300.247.553.608
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	418	600

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thu Trang
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	219.686.738.891	300.278.740.757
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	951.506.734.661	947.687.894.776
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	222.975.483.629	220.422.514.377
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.880.229.867)	(1.326.939.129)
Chi phí lãi vay	06	378.456.832.604	419.641.052.194
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.763.745.559.918	1.886.703.262.975
Biến động các khoản phải thu	09	(602.140.277.637)	(1.074.647.373.841)
Biến động hàng tồn kho	10	(21.928.566.661)	92.538.567.094
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	740.045.472.605	213.452.883.899
Biến động chi phí trả trước	12	11.426.441.148	10.267.198.938
		1.891.148.629.373	1.128.314.539.065
Tiền lãi vay đã trả	14	(397.252.223.413)	(422.955.119.905)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.819.100.000)	(37.058.169)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	429.850.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.247.968.096)	(10.090.657.126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.464.829.337.864	695.661.553.865
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.773.672.231)	(37.217.234.772)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	350.000.000	135.000.000
Tiền thu lãi cho vay	27	8.530.229.867	1.191.939.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.893.442.364)	(35.890.295.643)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

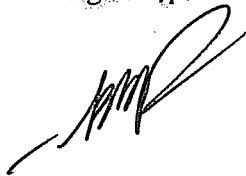
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	825.858.445.297	964.368.816.358
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.654.996.013.383)	(1.252.106.262.690)
Tiền trả cổ tức	36	(344.557.931.622)	(297.095.455.303)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.173.695.499.708)	(584.832.901.635)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	288.240.395.792	74.938.356.587
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60 6	33.138.207.254	114.831.544.482
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70 6	321.378.603.046	189.769.901.069

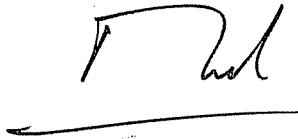
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thu Trang
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Thành
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thường Quang
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 886 nhân viên (1/1/2016: 887 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Hải Phòng do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ Kế toán EVN so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày trong các thuyết minh 3(a) và 3(g).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 930.248.070.434 VND (1/1/2015: 1.007.256.394.896 VND). Vấn đề này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc đã đưa ra các giải pháp bao gồm: tăng thêm các khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh để cân đối khả năng thanh toán, sử dụng đồng tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh do Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2 đang hoạt động phát điện ổn định. Ban Giám đốc cho rằng với các kế hoạch nêu trên, Công ty sẽ đảm bảo đủ vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Công ty không đảm bảo được đủ vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản sẵn và nợ phải trả gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 49.014.879.318 VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: Không), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ cùng giảm 343.104.155.218 VND (1/1/2016: 392.119.034.536 VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi sẽ áp dụng theo Thông tư 200.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm và tăng tương ứng là 49.676.867.569 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: Không), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ cùng giảm 347.738.072.974 VND (1/1/2015: 397.414.940.543 VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong kỳ hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	10 năm

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Hải Phòng do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì giá vốn hàng bán và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 136.744.472.281 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 126.789.144.318 VND), tài khoản “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ tăng 136.744.472.281 VND (1/1/2016: Không), các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”, và “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm tương ứng là 140.366.323.317 VND và 277.110.795.598 VND (1/1/2016: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 147.074.163.202 VND).

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B.09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ("Nghị định số 82") ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ và công ty mẹ này.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được lập trên trên các báo cáo tài chính năm gần nhất.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm/kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm/kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	445.803.235	40.450.252
Tiền gửi ngân hàng	110.932.799.811	9.097.757.002
Các khoản tương đương tiền	210.000.000.000	24.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	321.378.603.046	33.138.207.254

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán điện	2.164.255.981.801	1.566.466.567.850
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và xây dựng	711.909.000	143.463.000
Hưng Ngọc	2.462.516.098	535.084.098
Các khách hàng khác		
	2.167.430.406.899	1.567.145.114.948

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	52.719.803.596	52.719.803.596
Tiền thanh phải thu từ nhà thầu Dongfang Electric Corporation	25.105.152.654	25.105.152.654
Vật tư tồn tại phân xưởng	20.861.754.652	17.662.789.637
Các khoản phải thu khác	20.445.730.535	22.356.611.547
	119.132.441.437	117.844.357.434

(*) Đây là khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng trong giai đoạn đầu tư được phép bù trừ với tiền thuế đất hàng năm theo hướng dẫn tại văn bản số 104/CT-QLTTĐ ngày 20/1/2014 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B.09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	531.062.727.489	507.618.280.108
Công cụ và dụng cụ	5.527.071.204	7.042.951.924
	<hr/>	<hr/>
	536.589.798.693	514.661.232.032
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B.09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	10.466.901.706.766	11.021.793.406.708	550.701.881.295	217.438.138.322	1.057.750.248	22.257.892.883.339
Tăng trong kỳ	1.749.005.909	123.861.000	580.022.727	1.761.551.550	-	4.214.441.186
Thanh lý	-	-	(445.616.363)	-	-	(445.616.363)
Số dư cuối kỳ	10.468.650.712.675	11.021.917.267.708	550.836.287.659	219.199.689.872	1.057.750.248	22.261.661.708.162
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.646.414.801.319	3.159.487.656.001	192.789.365.913	105.613.701.302	225.065.737	6.104.530.590.272
Khấu hao trong kỳ	377.215.091.338	541.251.292.790	21.422.803.056	11.485.316.759	52.887.510	951.427.391.453
Thanh lý	-	-	(445.616.363)	-	-	(445.616.363)
Số dư cuối kỳ	3.023.629.892.657	3.700.738.948.791	213.766.552.606	117.099.018.061	277.953.247	7.055.512.365.362
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	7.820.486.905.447	7.862.305.750.707	357.912.515.382	111.824.437.020	832.684.511	16.153.362.293.067
Số dư cuối kỳ	7.445.020.820.018	7.321.178.318.917	337.069.735.053	102.100.671.811	779.797.001	15.206.149.342.800

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 7.302 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 7.605 triệu VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản hình thành từ vốn vay của: (1) khoản vay hợp vốn do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng là đầu mối; và (2) khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	200.790.529.005	167.511.434.783
Tăng trong kỳ	7.559.231.045	36.644.526.413
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(126.871.054.537)
Giảm khác trong kỳ	(10.433.920.677)	(757.215.505)
	197.915.839.373	76.527.691.154

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công trình trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	57.549.516.056	53.716.365.803
<i>Công trình Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2</i>	<i>57.549.516.056</i>	<i>53.716.365.803</i>
Các công trình sửa chữa lớn dở dang	140.366.323.317	147.074.163.202
(Thuyết minh 3(g))		
<i>Đại tu hệ thống tuabin, máy phát tổ 1</i>	<i>45.874.140.371</i>	<i>26.673.535.212</i>
<i>Đại tu hệ thống lò hơi số 1</i>	<i>35.275.828.972</i>	<i>35.670.808.894</i>
<i>Đại tu hệ thống nghiền than tổ máy số 1</i>	<i>22.058.853.996</i>	<i>22.571.259.582</i>
<i>Khác</i>	<i>37.157.499.978</i>	<i>62.158.559.514</i>
	197.915.839.373	200.790.529.005

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		30/6/2016 và 1/1/2016					
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Đương	500.000	10%	5.000.000.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá gốc.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	19.390.343.851	172.112.495.072	191.502.838.923
Tăng trong kỳ	163.617.000	3.789.597.422	3.953.214.422
Phân bổ trong kỳ	(11.266.381.034)	(4.113.274.536)	(15.379.655.570)
Số dư cuối kỳ	8.287.579.817	171.788.817.958	180.076.397.775

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	13.200.308.248	43.599.380.217
Các bên thứ ba		
Nhà thầu Dongfang	151.188.500.254	195.469.876.359
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	125.817.595.211	166.342.508.337
Tổng Công ty Đông Bắc	120.656.158.495	89.597.510.276
Các nhà cung cấp khác	61.345.590.925	98.272.901.000
	472.208.153.133	593.282.176.189

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và sẽ phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được cân trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.427.144.171	501.509.050.435	(152.936.204.724)	(312.449.135.116)	51.550.854.766
Thuế nhập khẩu	-	2.462.020.618	(2.462.020.618)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.850.287.149	(3.819.100.000)	(31.187.149)	7.000.000.000
Thuế tài nguyên	-	13.652.389.296	(13.652.389.296)	-	-
Các loại thuế khác	-	3.326.757.237	(2.015.261.715)	(1.311.495.522)	-
	15.427.144.171	531.800.504.735	(174.884.976.353)	(313.791.817.787)	58.550.854.766

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	Số đã được cân trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.187.149	-	(31.187.149)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.417.913.791	(1.311.495.522)	106.418.269
	31.187.149	1.417.913.791	(1.342.682.671)	106.418.269

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	184.285.232.103	203.080.622.912
Chi phí sửa chữa lớn (*)	277.110.795.598	147.058.034.361
Chi phí phải trả khác	22.250.434.090	12.102.838.881
	483.646.461.791	362.241.496.154

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban giám đốc Công ty đang trích trước chi phí sửa chữa lớn năm 2016 theo kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26 tháng 4 năm 2016 (Thuyết minh 3(g)).

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả Tập đoàn điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	776.738.609.032	7.336.949.426
Phải trả cổ tức cho cổ đông	5.710.525.358	268.456.980
Kinh phí công đoàn	211.515.280	80.746
Các khoản phải trả khác	14.970.112.103	103.978.888.838
	797.630.761.773	111.584.375.990

(*) Phải trả phi thương mại cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (“EVN”), công ty mẹ cấp cao nhất, là khoản phải trả về gốc vay, lãi vay, thuê nhà thầu các khoản vay nước ngoài. Khoản phải trả phi thương mại này không có đảm bảo, không chịu lãi suất và sẽ phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2016 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 30/6/2016 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	129.291.875.385	1.673.584.708.700	(1.506.954.407.384)	295.922.176.701
Vay dài hạn đến hạn trả	1.952.424.325.862	87.564.470.102	(148.041.605.999)	1.891.947.189.965
	2.081.716.201.247	1.761.149.178.802	(1.654.996.013.383)	2.187.869.366.666

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay không có đảm bảo				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (i)	VND	4,8% - 5%	124.632.234.826	68.291.875.385
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng (ii)	VND	4,8% - 5%	171.289.941.875	20.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hàng Trống	VND	Libor + 2%	-	41.000.000.000
			295.922.176.701	129.291.875.385

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 203HDTD/2015-HĐTDHM/NHCT122-NĐHP ngày 11 tháng 12 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ VND, thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng và khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau của đồng tiền nhận nợ và kỳ hạn huy động tương ứng với thời hạn cho vay cộng (+) biên độ tối đa 1%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT-166-NĐHP ngày 21 tháng 12 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND, thời gian duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 15 tháng 7 năm 2016 và khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời gian cho vay được xác định cụ thể cho từng lần giải ngân nhưng tối đa không quá 4 tháng. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng được niêm yết tại bên cho vay cộng (+) biên độ tối đa 1%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	11.797.535.331.182	12.660.925.765.501
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.891.947.189.965)	(1.952.424.325.862)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.905.588.141.217	10.708.501.439.639

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay có đảm bảo					
<i>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>					
▪	USD	2021	5,78%	3.466.252.958.778	3.846.152.421.411
▪	USD	2024	6,07%	5.912.976.209.363	6.337.363.570.972
▪	JPY	2021	3,91%	703.252.531.444	666.472.673.043
▪	JPY	2022	4,41%	798.005.435.672	744.811.360.651
Vay từ các tổ chức tín dụng khác					
▪	USD	2016	Libor + 2,7%	59.353.906.250	119.743.750.000
▪	VND	2016	Libor + 3,0%	-	25.487.699.749
▪	VND	2022	Libor + 3,0%	685.000.000.000	735.000.000.000
▪	VND	2022	Libor + 3,0%	172.694.289.675	185.894.289.675
				11.797.535.331.182	12.660.925.765.501

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) **Khoản vay 1 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam**
Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 05135 với tổng giá trị khoản vay 278.034.200 USD cộng 85% giá trị phí bảo hiểm tín dụng xuất khẩu của Công ty Bảo hiểm Tín dụng Xuất khẩu Trung Quốc. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Thời hạn vay là 166 tháng, thời gian ân hạn là 46 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 5,08%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 01 năm 2012. Gốc vay được trả 6 tháng/lần.
- (ii) **Khoản vay 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam**
Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 0701 với tổng giá trị khoản vay 327.182.260 USD. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 5,62%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả trong 19 kỳ bán niên, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 10 năm 2014. Khoản vay được Chính phủ bảo lãnh.
- (iii) **Khoản vay 3 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam**
Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.740.469.321 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Khoản vay chịu lãi suất 1,76%/năm, phí cam kết khoản vay 0,1%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,45%/năm và 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 8 năm 2009.
- (iv) **Khoản vay 4 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam**
Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.319.484.004 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 2,44%/năm, phí cam kết khoản vay 0,04%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,52%/năm và 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng**
Khoản vay hợp vốn theo Hợp đồng tín dụng “Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng” ngày 07 tháng 3 năm 2005 ký giữa Công ty với các ngân hàng thương mại Việt Nam, trong đó Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng làm đầu mối. Hạn mức tín dụng là 42.500.000 USD và 1.306.775.000.000 VND, được sử dụng để đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Khoản vay bằng USD chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD bình quân 12 tháng trả lãi sau cộng 2,7%/năm. Khoản vay bằng VND chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND bình quân trả lãi sau cộng 3%/năm. Tiền gốc của các khoản vay bằng USD và VND sẽ được hoàn trả trong vòng 16 lần, 6 tháng/lần với tỷ lệ trả nợ bằng 6,25% trên tổng số dư nợ gốc của các khoản vay bằng USD và VND, bắt đầu từ ngày 25 của tháng kết thúc kỳ hạn 42 tháng sau ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay đã được giải ngân lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2015. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tài sản cầm cố, thế chấp của Công ty hình thành từ việc xây dựng nhà máy và được bảo lãnh bằng việc cầm cố cổ phần của các cổ đông có mệnh giá 3.036 tỷ VND (1/1/2016: 3.036 tỷ) (Thuyết minh 20).

(vi) **Khoản vay 1 và 2 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm**
Khoản vay 1 theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 9 năm 2009 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 900 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng (+) 3,0%/năm. Thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2013. Gốc vay được hoàn trả trong 20 kỳ bán niên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay 2 theo Hợp đồng tín dụng ngày 18 tháng 2 năm 2014 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 349 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi cao nhất của cùng loại đồng tiền nhận nợ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng (+) 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.000.000.000.000	196.652.770.150	(392.119.034.536)	32.612.665.398	338.763.841.196	5.175.910.242.208
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	300.247.553.608	300.247.553.608	300.247.553.608
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.333.841.196	(38.763.841.196)	(34.430.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(300.000.000.000)	(300.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.000.000.000.000	196.652.770.150	(392.119.034.536)	36.946.506.594	300.247.553.608	5.141.727.795.816
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	91.322.235.971	91.322.235.971
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(397.414.940.543)	-	-	(397.414.940.543)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.000.000.000.000	196.652.770.150	(789.533.975.079)	36.946.506.594	391.569.789.579	4.835.635.091.244
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	208.836.451.742	208.836.451.742
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.369.789.579	(41.569.789.579)	(39.200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(350.000.000.000)	(350.000.000.000)
Phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	98.691.746.887	-	-	98.691.746.887
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	5.000.000.000.000	196.652.770.150	(690.842.228.192)	39.316.296.173	208.836.451.742	4.753.963.289.875

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn cổ phần của một số cổ đông có mệnh giá 3.036 tỷ VND (1/1/2016: 3.036 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(b)).

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 350 tỷ VND (2015: 300 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Kỳ sáu tháng
kết thúc ngày
30/6/2016
VND

Lỗ chênh lệch tỷ giá đầu kỳ 789.533.975.079

Trong đó:

Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2	392.119.034.536
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ	397.414.940.543

Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ -

Trong đó:

Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ	-

Lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (98.691.746.887)

Trong đó:

Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2	(49.014.879.318)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ	(49.676.867.569)

Lỗ chênh lệch tỷ giá tại cuối kỳ 690.842.228.192

Trong đó:

Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2	343.104.155.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ	<u>347.738.072.974</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	178	3.983.443	184	4.139.331
JPY	131.755	28.729.178	132.424	24.591.137
		32.712.621		28.730.468

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán điện	5.129.658.221.510	5.074.090.096.185
Doanh thu bán trợ xi	3.472.636.366	-
	5.133.130.857.876	5.074.090.096.185

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	2.976.051.192.710	2.891.659.705.880
Chi phí khấu hao	946.714.638.780	942.907.458.415
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	222.617.664.353	126.892.435.198
Chi phí nhân công	74.366.821.548	71.950.641.987
Chi phí khác	48.859.904.949	60.371.575.007
	4.268.610.222.340	4.093.781.816.487

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B-09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.530.229.867	1.191.939.129
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.817.448.563	85.589.649
	10.347.678.430	1.277.528.778

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	378.456.832.604	419.641.052.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá các năm trước phân bổ vào chi phí trong kỳ	98.691.746.887	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.364.634.581	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.283.736.742	220.422.514.377
	608.796.950.814	640.063.566.571

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	8.383.631.468	9.707.974.497
Chi phí khấu hao	3.908.680.727	3.705.490.733
Thuê, phí và lệ phí	23.713.964.932	21.449.705.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.045.712.391	3.812.878.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.602.870.784	2.709.211.890
	46.654.860.302	41.385.260.917

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.976.051.192.710	2.894.043.308.912
Chi phí nhân công	82.750.453.016	81.658.616.484
Chi phí khấu hao	951.506.734.661	946.612.949.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.190.809.205	19.364.455.241
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	222.617.664.353	126.892.435.198
Chi phí khác	48.031.643.851	66.595.312.421

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.850.287.149	31.187.149

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	219.686.738.891	300.278.740.757
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.941.650.285	30.013.698.099
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	54.047.208	31.187.149
Chi phí không được khấu trừ thuế	188.097.003	100.954.801
Ưu đãi thuế	(11.333.507.347)	(30.114.652.900)
	10.850.287.149	31.187.149

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%). Việc xác định mức thuế suất thuế ưu đãi của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	208.836.451.742	300.247.553.608
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	208.836.451.742	300.247.553.608

(*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 500.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:


	Giá trị giao dịch cho	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí lãi vay và phí cam kết của khoản vay	304.132.404.853	332.847.376.821
Phí bảo lãnh khoản vay dài hạn	19.477.176.468	22.109.239.349
Các công ty liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu bán điện	5.129.658.221.510	5.074.090.096.185
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	842.314.000	756.000.000
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	532.800.000	532.800.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	142.000.000	93.000.000

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:


 Bùi Thu Trang
 Kế toán tổng hợp

Người ký:


 Nguyễn Minh Thành
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Thường Quang
 Tổng Giám đốc

